

Vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam

21/05/2026

TS. Hoàng Văn Mạnh
Trường Đại học Thương mại

(Quanlynhanuoc.vn) – Bài viết phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam. Kết quả cho thấy, hợp tác xã nông nghiệp có vai trò chủ yếu trong tổ chức sản xuất và tiêu chuẩn hóa quy trình xanh; chuyển giao kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số; giảm chi phí và rủi ro chuyển đổi cho nông dân; liên kết chuỗi giá trị và phát triển thị trường nông sản xanh; đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững. Tuy nhiên, khả năng phát huy vai trò này vẫn còn hạn chế do nhiều hợp tác xã gặp khó khăn về vốn, quản trị, nhân lực, công nghệ và liên kết thị trường. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp và thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam.

Từ khóa: Nông nghiệp xanh; Hợp tác xã nông nghiệp; Chuỗi giá trị nông sản; Chuyển đổi xanh; Phát triển bền vững.

Abstract: This article analyzes the theoretical and practical foundations of the role of agricultural cooperatives in the development of green agriculture in Vietnam. The results show that agricultural cooperatives play a key role in organizing production and standardizing green processes; transferring technology and facilitating digital transformation; reducing transition costs and risks for farmers; linking value chains and developing green agricultural markets; and contributing to environmental protection and sustainable agricultural development. However, the ability to fully leverage this role remains limited due to challenges many cooperatives face regarding capital, governance, human resources, technology, and market linkages. Consequently, several solutions are proposed to enhance the operational capacity of agricultural cooperatives and promote green agricultural development in Vietnam.

Keywords: Green Agriculture; Agricultural Cooperatives; Agricultural Value Chains; Green Transition; Sustainable Development.

1. Đặt vấn đề

Phát triển nông nghiệp xanh đang trở thành một định hướng quan trọng trong quá trình chuyển đổi hệ thống nông nghiệp ở nhiều quốc gia. Áp lực từ biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường và yêu cầu ngày càng cao của thị trường đối với chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tính bền vững của nông sản đã thúc đẩy sự chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng dựa

chủ yếu vào sản lượng sang mô hình phát triển dựa trên hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và nâng cao giá trị gia tăng. Theo đó, nông nghiệp xanh không chỉ là vấn đề kỹ thuật canh tác mà còn là quá trình đổi mới tổ chức sản xuất, quản trị chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ và phát triển thị trường nông sản theo hướng bền vững.

Tại Việt Nam, phát triển nông nghiệp xanh gắn trực tiếp với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng trưởng xanh và phát triển nông thôn bền vững. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030 xác định nông nghiệp là một lĩnh vực cần thúc đẩy chuyển đổi xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính. Đồng thời, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhấn mạnh yêu cầu chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển dựa trên chất lượng, giá trị gia tăng và tính bền vững. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi này vẫn chịu ảnh hưởng bởi đặc điểm sản xuất nhỏ lẻ, liên kết chuỗi giá trị chưa bền vững, hạn chế về vốn, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng và năng lực tiếp cận thị trường của nhiều hộ nông dân.

Trong bối cảnh đó, hợp tác xã nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng như một thiết chế trung gian giúp kết nối nông dân với doanh nghiệp, thị trường, công nghệ và chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Thông qua việc tập hợp các hộ sản xuất nhỏ, hợp tác xã có thể tổ chức vùng nguyên liệu, tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất, hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, giảm chi phí tuân thủ tiêu chuẩn xanh, thúc đẩy truy xuất nguồn gốc và tăng khả năng tiếp cận thị trường cho nông dân thành viên. Vai trò này đặc biệt phù hợp với điều kiện nông nghiệp Việt Nam, nơi chuyển đổi xanh không chỉ đặt ra yêu cầu thay đổi kỹ thuật sản xuất mà còn đòi hỏi đổi mới cách thức tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi giá trị.

Mặc dù khu vực hợp tác xã ở Việt Nam đã có sự phát triển đáng kể về số lượng, sự gia tăng này chưa tự động chuyển hóa thành năng lực thực chất trong việc thúc đẩy nông nghiệp xanh. Các yêu cầu như sản xuất theo tiêu chuẩn, chứng nhận chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, quản lý vùng nguyên liệu và phát triển thị trường đòi hỏi hợp tác xã phải có năng lực quản trị, nguồn vốn, nhân lực kỹ thuật và khả năng liên kết phù hợp. Do đó, phân tích vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh cần đặt trọng tâm vào chất lượng hoạt động và năng lực thực thi của hợp tác xã, thay vì chỉ xem xét sự gia tăng về số lượng tổ chức.

Trên cơ sở phương pháp nghiên cứu tài liệu, bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận, phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận về vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh

2.1. Phát triển nông nghiệp xanh

Nông nghiệp xanh là định hướng phát triển nông nghiệp nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải, hạn chế ô nhiễm môi trường và bảo đảm tính bền vững của hệ thống sản xuất nông nghiệp. Khác với mô hình tăng trưởng nông nghiệp truyền thống chủ yếu tập trung vào gia tăng sản lượng, nông nghiệp xanh nhấn mạnh sự kết hợp giữa hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và ổn định xã hội nông thôn. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu tái cấu trúc hệ thống nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và yêu cầu ngày càng cao của thị trường đối với chất lượng, an toàn thực phẩm và tính bền vững của nông sản.

Nông nghiệp xanh có quan hệ gần gũi với nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và nông nghiệp carbon thấp, nhưng không đồng nhất với các khái niệm này. So với các khái niệm trên, nông nghiệp xanh có phạm vi bao quát hơn vì tích hợp đồng thời yêu cầu tăng trưởng xanh, quản lý tài nguyên, giảm phát thải, tiêu chuẩn hóa sản xuất và phát triển chuỗi giá trị nông sản thân thiện với môi trường.

Trên cơ sở đó, phát triển nông nghiệp xanh có thể hiểu là quá trình chuyển đổi hệ thống nông nghiệp theo hướng sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm tác động tiêu cực đến môi trường, nâng cao giá trị gia tăng và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Quá trình này không chỉ là thay đổi kỹ thuật canh tác mà còn bao gồm đổi mới tổ chức sản xuất, phát triển thị trường, quản trị chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ, truy xuất nguồn gốc và hình thành các cơ chế liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và Nhà nước. Vì vậy, phát triển nông nghiệp xanh cần được tiếp cận như một quá trình chuyển đổi hệ thống, trong đó yếu tố tổ chức sản xuất và năng lực liên kết giữa các chủ thể giữ vai trò quan trọng.

2.2. Hợp tác xã nông nghiệp như một thiết chế trung gian trong phát triển nông nghiệp xanh

Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế tập thể được hình thành trên cơ sở tự nguyện của các thành viên nhằm đáp ứng nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ. Theo *Luật Hợp tác xã* năm 2023, hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do các thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong lĩnh vực nông nghiệp, hợp tác xã có vai trò đặc biệt quan trọng vì giúp liên kết các hộ sản xuất nhỏ, cung cấp dịch vụ đầu vào, hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức tiêu thụ sản phẩm và tăng khả năng tham gia chuỗi giá trị.

Khác với doanh nghiệp hoạt động chủ yếu theo mục tiêu lợi nhuận, hợp tác xã nông nghiệp hướng nhiều hơn tới lợi ích của thành viên thông qua việc cung ứng dịch vụ chung, giảm chi phí giao dịch, tăng khả năng tiếp cận thông tin, kỹ thuật, vốn và thị trường. Trong điều kiện sản xuất nông nghiệp còn phân tán và quy mô hộ nhỏ, hợp tác xã nông nghiệp có thể được xem là thiết chế trung gian

giúp khắc phục một phần hạn chế của sản xuất riêng lẻ, đồng thời tạo nền tảng tổ chức cho việc áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất và liên kết chuỗi giá trị.

Trong phát triển nông nghiệp xanh, vai trò của hợp tác xã nông nghiệp thể hiện trước hết ở khả năng tổ chức sản xuất và tiêu chuẩn hóa quy trình xanh. Việc phát triển các mô hình sản xuất hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP hoặc sản xuất phát thải thấp thường đòi hỏi sự đồng bộ về kỹ thuật, kiểm soát đầu vào, ghi chép sản xuất và truy xuất nguồn gốc. Thông qua việc tập hợp các hộ thành viên thành vùng sản xuất tập trung, hợp tác xã nông nghiệp góp phần giảm tính phân tán của sản xuất, hỗ trợ kiểm soát chất lượng và nâng cao khả năng tuân thủ tiêu chuẩn xanh.

Bên cạnh đó, hợp tác xã nông nghiệp có vai trò quan trọng trong chuyển giao kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số phục vụ sản xuất xanh. Thông qua phối hợp với hệ thống khuyến nông, doanh nghiệp, viện nghiên cứu hoặc các chương trình hỗ trợ của Nhà nước, hợp tác xã có thể giúp nông dân tiếp cận các kỹ thuật canh tác tiết kiệm tài nguyên, quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng phân bón hữu cơ, tưới tiết kiệm, ghi chép nhật ký sản xuất và truy xuất nguồn gốc. Vai trò này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh phát triển nông nghiệp xanh không chỉ đòi hỏi thay đổi tập quán sản xuất mà còn yêu cầu năng lực tiếp nhận và vận hành các công nghệ, tiêu chuẩn và công cụ quản lý mới.

Hợp tác xã nông nghiệp còn góp phần giảm chi phí và rủi ro chuyển đổi xanh cho nông dân thành viên. Chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ, VietGAP, phát thải thấp hoặc tuân hoàn thường đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu, thay đổi quy trình sản xuất, chi phí chứng nhận, chi phí truy xuất nguồn gốc và rủi ro thị trường trong giai đoạn đầu. Thông qua tổ chức sản xuất theo nhóm, cung ứng dịch vụ chung, hỗ trợ chứng nhận, truy xuất nguồn gốc, liên kết tiêu thụ và chia sẻ thông tin thị trường, hợp tác xã có thể giúp giảm chi phí giao dịch, chi phí tuân thủ tiêu chuẩn xanh và rủi ro thị trường cho nông dân thành viên.

Trong phát triển chuỗi giá trị nông sản xanh, hợp tác xã nông nghiệp giữ vai trò trung gian liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ. Hợp tác xã có thể đại diện cho nông dân trong ký kết hợp đồng với doanh nghiệp, tổ chức vùng nguyên liệu, sơ chế, bảo quản, xây dựng thương hiệu và kết nối với các kênh phân phối hiện đại. Vai trò này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các thị trường ngày càng yêu cầu cao về tiêu chuẩn môi trường, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tính bền vững của nông sản.

Tuy nhiên, vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh không chỉ phụ thuộc vào sự hiện diện về mặt tổ chức mà còn phụ thuộc vào chất lượng hoạt động, năng lực quản trị, khả năng huy động vốn, trình độ nhân lực, mức độ ứng dụng công nghệ và năng lực liên kết thị trường. Vì vậy, phát triển hợp tác xã theo hướng phục vụ nông nghiệp xanh cần được hiểu là quá trình nâng cao năng lực thực chất của hợp tác xã, thay vì chỉ gia tăng số lượng tổ chức.

3. Thực trạng phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam

3.1. Sự phát triển của khu vực hợp tác xã và yêu cầu chuyển đổi xanh trong nông nghiệp Việt Nam

Những năm gần đây, phát triển nông nghiệp xanh ngày càng trở thành định hướng quan trọng trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp Việt Nam. Yêu cầu giảm phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nâng cao chất lượng nông sản, bảo đảm truy xuất nguồn gốc và đáp ứng các tiêu chuẩn thị trường đang thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ mô hình sản xuất nông nghiệp dựa chủ yếu vào sản lượng sang mô hình sản xuất chú trọng hơn đến chất lượng, giá trị gia tăng và tính bền vững. Các mô hình sản xuất hữu cơ, VietGAP, nông nghiệp tuần hoàn, sản xuất phát thải thấp, mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc đã được triển khai tại nhiều địa phương. Tuy nhiên, quá trình phát triển nông nghiệp xanh đòi hỏi mức độ tổ chức sản xuất cao hơn, khả năng phối hợp giữa các hộ nông dân tốt hơn và sự tham gia hiệu quả hơn của các chủ thể trung gian trong chuỗi giá trị nông sản.

Trong bối cảnh đó, sự phát triển của khu vực hợp tác xã tạo ra nền tảng tổ chức quan trọng cho quá trình chuyển đổi xanh trong nông nghiệp. Số liệu từ Sách trắng hợp tác xã Việt Nam năm 2025 cho thấy, quy mô hợp tác xã ở Việt Nam tăng liên tục trong giai đoạn 2016-2024. Số hợp tác xã hiện có tăng từ 19.843 hợp tác xã năm 2016 lên 33.616 hợp tác xã năm 2024. Tính chung cả giai đoạn, số hợp tác xã tăng thêm 13.773 đơn vị, tương đương tăng khoảng 69,4% so với năm 2016¹. Đây là xu hướng đáng chú ý, phản ánh sự mở rộng của khu vực kinh tế tập thể trong bối cảnh nhu cầu liên kết sản xuất, tổ chức dịch vụ chung và tham gia thị trường ngày càng gia tăng.

Bảng 1. Quy mô phát triển hợp tác xã ở Việt Nam, giai đoạn 2016-2024

Năm	Số hợp tác xã hiện có	Tốc độ tăng/giảm (%)	Thành viên hợp tác xã hiện có (nghìn thành viên)	Số hợp tác xã thành lập mới
2016	19.843	—	6.278	2.216
2017	21.009	5,9	6.106	2.347
2018	22.861	8,8	5.998	2.569
2019	24.204	5,9	5.941	2.367
2020	25.777	6,5	5.767	2.732
2021	27.878	8,2	5.859	2.648
2022	29.378	5,4	5.968	2.695
2023	31.825	8,3	5.853	3.001
2024	33.616	5,6	5.677,5	2.671

Nguồn: Cục Thống kê (2025). Sách trắng hợp tác xã Việt Nam.

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy, số lượng hợp tác xã tăng liên tục qua các năm, với tốc độ tăng dao động từ 5,4% đến 8,8% trong giai đoạn 2017-2024². Sự gia tăng này có ý nghĩa đối với phát triển nông nghiệp xanh vì các mô hình sản xuất xanh thường đòi hỏi tổ chức sản xuất tập trung hơn, có khả năng điều phối quy trình kỹ thuật, kiểm soát chất lượng và kết nối thị trường. Trong điều kiện sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, hợp tác xã có thể đóng vai trò là thiết chế trung gian giúp giảm tính phân tán của sản xuất hộ và tạo điều kiện để nông dân tiếp cận các tiêu chuẩn sản xuất xanh.

Tuy nhiên, số thành viên hợp tác xã hiện có giảm từ 6.278 nghìn thành viên năm 2016 xuống còn 5.677,5 nghìn thành viên năm 2024, mặc dù số lượng hợp tác xã tăng liên tục³. Xu hướng này cho thấy quy mô thành viên bình quân trên mỗi hợp tác xã có xu hướng thu hẹp, phản ánh khả năng tái cấu trúc của khu vực hợp tác xã theo hướng hình thành nhiều tổ chức nhỏ hơn, linh hoạt hơn hoặc chuyên môn hóa hơn theo lĩnh vực, ngành hàng và địa bàn. Đồng thời, xu hướng này cũng đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động, bởi số lượng hợp tác xã tăng không tự động bảo đảm năng lực tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi giá trị hoặc hỗ trợ chuyển đổi xanh.

Nhìn chung, sự phát triển của khu vực hợp tác xã trong giai đoạn 2016-2024 tạo nền tảng tổ chức quan trọng cho quá trình phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam. Tuy nhiên, nền tảng này chỉ có thể chuyển hóa thành động lực thúc đẩy chuyển đổi xanh khi hợp tác xã có đủ năng lực tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ, kiểm soát chất lượng, ứng dụng công nghệ và kết nối thị trường.

3.2. Năng lực hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp nhìn từ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Trong quá trình phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam, hợp tác xã nông nghiệp ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong tổ chức sản xuất, hỗ trợ kỹ thuật, liên kết chuỗi giá trị và thúc đẩy chuyển đổi phương thức sản xuất theo hướng bền vững hơn. Tuy nhiên, mức độ phát huy vai trò này phụ thuộc đáng kể vào năng lực hoạt động, khả năng huy động nguồn lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh của khu vực hợp tác xã. Vì vậy, việc phân tích các chỉ tiêu về số lượng, lao động, nguồn vốn và doanh thu của hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá năng lực nền tảng của khu vực này đối với quá trình phát triển nông nghiệp xanh.

Bảng 2. Một số chỉ tiêu phát triển của hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019-2023

Năm	Tổng số hợp tác xã đang	Số hợp tác xã nông nghiệp,	Tỷ trọng (%)	Tổng lao động hợp tác	Lao động hợp tác xã nông	Tổng nguồn vốn sản	Nguồn vốn hợp tác xã nông	Tổng doanh thu thuần	Doanh thu hợp tác xã nông
-----	-------------------------	----------------------------	--------------	-----------------------	--------------------------	--------------------	---------------------------	----------------------	---------------------------

	hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh	lâm nghiệp và thủy sản		xã (nghìn người)	ngành, lâm nghiệp và thủy sản (nghìn người)	xuất kinh doanh (nghìn tỷ đồng)	ngành, lâm nghiệp và thủy sản (nghìn tỷ đồng)	(nghìn tỷ đồng)	ngành, lâm nghiệp và thủy sản (nghìn tỷ đồng)
2019	14.388	7.418	51,6	179,9	77,7	225,8	26,4	86,3	—
2020	15.306	7.775	50,8	167,0	72,6	273,6	17,5	91,9	—
2021	16.454	8.407	51,1	166,2	75,3	326,3	40,1	93,8	12,4
2022	15.832	7.908	49,9	163,1	68,5	322,3	29,6	107,5	16,1
2023	16.349	8.154	49,9	168,0	67,6	414,7	80,0	120,3	20,9

Ghi chú: Một số giá trị theo khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản được tính toán từ tổng chỉ tiêu toàn khu vực hợp tác xã nhân với tỷ trọng ngành được công bố trong Sách trắng; các giá trị được làm tròn đến một chữ số thập phân. Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ Sách trắng hợp tác xã Việt Nam các năm 2022, 2023, 2024 và 2025.

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy, hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong khu vực hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh ở Việt Nam. Trong giai đoạn 2019-2023, số lượng hợp tác xã thuộc khu vực này dao động từ khoảng 7.400 đến hơn 8.400 hợp tác xã, chiếm xấp xỉ 50% tổng số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh⁴. Điều này phản ánh vai trò quan trọng của khu vực hợp tác xã nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế tập thể ở Việt Nam, đồng thời cho thấy đây là lực lượng có tiềm năng lớn trong tổ chức lại sản xuất và thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh.

Bên cạnh quy mô số lượng, các chỉ tiêu về nguồn vốn và doanh thu cũng phản ánh sự mở rộng tương đối của hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu vực hợp tác xã nông nghiệp. Năm 2023, khu vực hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có tổng nguồn vốn sản xuất kinh doanh đạt khoảng 80 nghìn tỷ đồng, tăng đáng kể so với các năm trước. Đồng thời, doanh thu của khu vực này tăng từ 12,4 nghìn tỷ đồng năm 2021 lên 20,9 nghìn tỷ đồng năm 2023⁵. Xu hướng này cho thấy một bộ phận hợp tác xã nông nghiệp đang từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng tham gia thị trường.

Đối với phát triển nông nghiệp xanh, sự gia tăng về nguồn vốn và doanh thu có ý nghĩa quan trọng vì quá trình chuyển đổi sang các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường thường đòi hỏi chi phí đầu tư tương đối lớn cho hạ tầng, kỹ thuật, chứng nhận chất lượng, truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Khi quy mô vốn và khả năng tạo doanh thu được cải thiện, hợp tác xã có điều kiện thuận lợi hơn để đầu tư vào các mô hình sản xuất VietGAP, hữu cơ, công nghệ cao hoặc các hình thức sản xuất phát thải thấp.

Tuy nhiên, số liệu ở Bảng 2 cũng cho thấy sự phát triển của khu vực hợp tác xã nông nghiệp chưa thật sự ổn định. Mặc dù số lượng hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh nhìn chung duy trì ở mức cao, quy mô lao động của khu vực hợp tác xã nông nghiệp lại có xu hướng giảm trong giai đoạn 2019–2023, từ 77,7 nghìn người xuống còn 67,6 nghìn người⁶. Trong bối cảnh phát triển nông nghiệp xanh thường đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật, năng lực quản lý dữ liệu, hiểu biết về tiêu chuẩn chất lượng và khả năng kết nối thị trường, hạn chế về lao động chuyên môn có thể trở thành rào cản quan trọng.

Ngoài ra, mặc dù nguồn vốn của khu vực hợp tác xã nông nghiệp tăng khá mạnh vào năm 2023, quy mô vốn nhìn chung vẫn cần được xem xét trong tương quan với yêu cầu đầu tư cho sản xuất xanh và phát triển chuỗi giá trị nông sản hiện đại. Trong thực tế, nhiều hợp tác xã vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận tín dụng, đầu tư cơ sở sở chế – bảo quản, truy xuất nguồn gốc, xử lý phụ phẩm và ứng dụng công nghệ. Điều này làm cho vai trò của hợp tác xã trong hỗ trợ nông dân chuyển đổi sang các mô hình sản xuất xanh chưa được phát huy đồng đều giữa các địa phương và ngành hàng.

Doanh thu của khu vực hợp tác xã nông nghiệp mặc dù có xu hướng tăng, nhưng vẫn phản ánh một thực tế là khả năng thương mại hóa sản phẩm, mở rộng thị trường và tham gia sâu vào chuỗi giá trị của nhiều hợp tác xã còn hạn chế. Trong khi đó, phát triển nông nghiệp xanh không chỉ phụ thuộc vào kỹ thuật sản xuất mà còn phụ thuộc lớn vào khả năng tiêu thụ sản phẩm theo các tiêu chuẩn chất lượng và yêu cầu của thị trường. Nếu không có đầu ra ổn định và giá trị gia tăng phù hợp, các mô hình sản xuất xanh khó được duy trì bền vững trong dài hạn.

Như vậy, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho thấy hợp tác xã nông nghiệp là lực lượng có vai trò quan trọng và có tiềm năng lớn trong phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam. Tuy nhiên, các chỉ tiêu này cũng cho thấy khoảng cách giữa tiềm năng tổ chức và năng lực thực thi. Số lượng hợp tác xã lớn, nguồn vốn và doanh thu tăng là điều kiện thuận lợi, nhưng để phát huy vai trò trung gian trong chuyển đổi xanh, hợp tác xã cần được nâng cao hơn nữa về quản trị, nhân lực, công nghệ, hạ tầng và liên kết thị trường.

3.3. Những vấn đề đặt ra đối với vai trò trung gian của hợp tác xã trong chuyển đổi xanh

Từ các phân tích trên, có thể thấy hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để trở thành chủ thể trung gian quan trọng trong phát triển nông nghiệp xanh. Tuy nhiên, khả năng thực hiện vai trò này còn chịu tác động bởi một số vấn đề cơ bản.

Một là, sự gia tăng số lượng hợp tác xã chưa đồng nghĩa với sự gia tăng tương ứng về năng lực tổ chức sản xuất xanh. Phát triển nông nghiệp xanh đòi hỏi hợp tác xã không chỉ tồn tại như một tổ chức kinh tế tập thể mà còn phải có khả năng điều phối quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng, hỗ trợ chứng nhận, quản

lý dữ liệu và kết nối đầu ra. Đây là những yêu cầu cao hơn so với vai trò cung ứng dịch vụ đầu vào hoặc hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm theo cách truyền thống.

Hai là, năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực của nhiều hợp tác xã vẫn là điểm nghẽn quan trọng. Các yêu cầu về tiêu chuẩn hóa sản xuất, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, chứng nhận chất lượng, quản trị hợp đồng và phát triển thị trường đòi hỏi đội ngũ quản lý hợp tác xã phải có năng lực chuyên môn phù hợp. Nếu năng lực này không được cải thiện, hợp tác xã khó có thể đóng vai trò điều phối hiệu quả giữa nông dân, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, cơ quan quản lý và thị trường tiêu thụ.

Ba là, hạn chế về vốn và hạ tầng làm giảm khả năng đầu tư của hợp tác xã vào các mô hình sản xuất xanh. Các mô hình VietGAP, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp hoặc truy xuất nguồn gốc thường đòi hỏi đầu tư vào cơ sở sơ chế, bảo quản, thiết bị kỹ thuật, hệ thống ghi chép, chứng nhận và quản lý chất lượng. Khi thiếu nguồn lực tài chính và hạ tầng phù hợp, hợp tác xã khó có thể hỗ trợ thành viên chuyển đổi sản xuất một cách đồng bộ và bền vững.

Bốn là, liên kết thị trường của nhiều hợp tác xã còn chưa đủ mạnh để tạo động lực kinh tế cho chuyển đổi xanh. Nông dân và hợp tác xã chỉ có thể duy trì các quy trình sản xuất xanh nếu sản phẩm có đầu ra ổn định, giá trị gia tăng phù hợp và được thị trường ghi nhận. Nếu liên kết với doanh nghiệp, hệ thống phân phối và người tiêu dùng còn lỏng lẻo, chuyển đổi xanh dễ trở thành hoạt động mang tính phong trào hoặc phụ thuộc vào hỗ trợ ngắn hạn.

Năm là, chuyển đổi số trong hợp tác xã nông nghiệp mới ở giai đoạn đầu và chưa đồng đều giữa các địa phương, ngành hàng và nhóm hợp tác xã. Các công cụ như nhật ký điện tử, mã QR, nền tảng quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và thương mại điện tử có thể hỗ trợ mạnh mẽ cho phát triển nông nghiệp xanh. Tuy nhiên, nếu không gắn với năng lực vận hành thực tế của hợp tác xã và nhu cầu thị trường cụ thể, chuyển đổi số có thể chỉ dừng ở hình thức, chưa tạo ra thay đổi thực chất trong quản trị sản xuất và chuỗi giá trị.

Những vấn đề trên cho thấy, việc phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh cần được tiếp cận theo hướng nâng cao năng lực thực chất của hợp tác xã. Điều này bao gồm năng lực tổ chức sản xuất, năng lực quản trị, năng lực huy động nguồn lực, năng lực ứng dụng công nghệ và năng lực liên kết thị trường. Đây cũng là cơ sở để đề xuất các giải pháp phù hợp trong giai đoạn tiếp theo.

4. Một số giải pháp

Kết quả phân tích cho thấy, khu vực hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam đã có sự phát triển đáng kể về số lượng, quy mô hoạt động và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị nông sản. Tuy nhiên, khả năng phát huy vai trò của khu vực này trong phát triển nông nghiệp xanh vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi hạn chế về chất lượng

hoạt động, năng lực quản trị, nguồn vốn, trình độ công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và mức độ liên kết thị trường. Vì vậy, để hợp tác xã nông nghiệp thực sự trở thành lực lượng trung gian quan trọng trong quá trình chuyển đổi xanh của ngành nông nghiệp, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau.

Thứ nhất, cần chuyển trọng tâm chính sách từ phát triển số lượng sang nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp. Số liệu giai đoạn 2016–2024 cho thấy số lượng hợp tác xã tăng khá nhanh, nhưng điều này chưa đồng nghĩa với việc năng lực tổ chức sản xuất xanh và liên kết thị trường được cải thiện tương ứng. Trong bối cảnh phát triển nông nghiệp xanh đòi hỏi mức độ tổ chức sản xuất, kiểm soát chất lượng và điều phối chuỗi giá trị cao hơn, các chính sách hỗ trợ cần ưu tiên nâng cao hiệu quả hoạt động thực chất của hợp tác xã thay vì chỉ chú trọng mở rộng số lượng đơn vị thành lập mới. Theo đó, cần tập trung hỗ trợ các hợp tác xã có khả năng tổ chức vùng nguyên liệu, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất xanh, truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ nông sản.

Thứ hai, cần nâng cao năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực của hợp tác xã nông nghiệp. Một trong những hạn chế nổi bật của nhiều hợp tác xã hiện nay là thiếu nhân lực có chuyên môn về quản trị chuỗi giá trị, tiêu chuẩn chất lượng, chuyển đổi số và phát triển thị trường. Vì vậy, cần đổi mới các chương trình đào tạo cán bộ hợp tác xã theo hướng gắn với yêu cầu thực tiễn của chuyển đổi xanh, đặc biệt là các nội dung về quản trị chuỗi giá trị nông sản, thương mại điện tử, tiêu chuẩn chất lượng, chuyển đổi số và quản lý dữ liệu sản xuất.

Thứ ba, cần tăng cường hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp tiếp cận tín dụng xanh và đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất bền vững. Mặc dù nguồn vốn sản xuất kinh doanh của khu vực hợp tác xã nông nghiệp có xu hướng tăng, quy mô vốn nhìn chung vẫn còn hạn chế so với yêu cầu đầu tư cho sản xuất xanh và chuỗi giá trị nông sản hiện đại. Do đó, cần hoàn thiện cơ chế tín dụng ưu đãi, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và cơ chế bảo lãnh tín dụng phù hợp với đặc điểm của hợp tác xã nông nghiệp. Đồng thời, cần ưu tiên hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất xanh như hệ thống bảo quản sau thu hoạch, cơ sở sơ chế, thiết bị truy xuất nguồn gốc và hạ tầng chuyển đổi số.

Thứ tư, cần thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị giữa hợp tác xã nông nghiệp với doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và liên kết thị trường là điều kiện quan trọng để duy trì động lực chuyển đổi xanh của nông dân. Nếu sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn xanh không có đầu ra ổn định hoặc không tạo ra giá trị gia tăng tương xứng, các hộ thành viên sẽ khó duy trì quy trình sản xuất xanh trong dài hạn. Vì vậy, cần khuyến khích doanh nghiệp ký kết hợp đồng liên kết ổn định với hợp tác xã; hỗ trợ hợp tác xã xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn, phát triển thương hiệu nông sản và tham gia các kênh phân phối hiện đại.

Thứ năm, cần thúc đẩy chuyển đổi số gắn với phát triển nông nghiệp xanh trong khu vực hợp tác xã nông nghiệp. Chuyển đổi số có vai trò quan trọng trong quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng và kiểm soát tiêu chuẩn chất lượng. Tuy nhiên, các chương trình hỗ trợ cần phù hợp với quy mô và năng lực vận hành của hợp tác xã, tránh tình trạng áp dụng công nghệ mang tính hình thức hoặc vượt quá khả năng khai thác thực tế của các hợp tác xã nhỏ.

Thứ sáu, cần tăng cường vai trò điều phối và hỗ trợ của Nhà nước trong phát triển nông nghiệp xanh thông qua hợp tác xã nông nghiệp. Khả năng phát huy vai trò của hợp tác xã không chỉ phụ thuộc vào năng lực nội tại mà còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ môi trường chính sách, hệ thống hỗ trợ kỹ thuật và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị. Vì vậy, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế tập thể gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh; đồng thời tăng cường phối hợp giữa hệ thống khuyến nông, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, cơ sở nghiên cứu và hợp tác xã trong hỗ trợ chuyển đổi xanh ở khu vực nông thôn.

Nhìn chung, phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam cần được tiếp cận theo hướng nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực tổ chức sản xuất và khả năng tham gia chuỗi giá trị. Trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp của Việt Nam vẫn chủ yếu dựa trên hộ quy mô nhỏ, hợp tác xã nông nghiệp có thể trở thành thiết chế trung gian quan trọng giúp kết nối nông dân với thị trường, công nghệ và tiêu chuẩn sản xuất xanh.

5. Kết luận

Phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam không chỉ là yêu cầu về đổi mới kỹ thuật sản xuất mà còn là quá trình chuyển đổi hệ thống, trong đó tổ chức sản xuất, tiêu chuẩn hóa quy trình, truy xuất nguồn gốc, liên kết thị trường và nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia có vai trò quyết định⁷. Trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp còn phân tán và quy mô hộ nhỏ, hợp tác xã nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng như một thiết chế trung gian giúp kết nối nông dân với thị trường, doanh nghiệp, công nghệ và chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, bài viết cho thấy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh thể hiện ở năm phương diện chủ yếu: tổ chức sản xuất và tiêu chuẩn hóa quy trình xanh; chuyển giao kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số; giảm chi phí và rủi ro chuyển đổi xanh cho nông dân; liên kết chuỗi giá trị và phát triển thị trường nông sản xanh; đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững. Tuy nhiên, phân tích thực tiễn cũng cho thấy sự gia tăng số lượng hợp tác xã chưa tự động chuyển hóa thành năng lực thực chất trong việc thúc đẩy chuyển đổi xanh. Các hạn chế về vốn, quản trị, nhân lực, công nghệ, hạ tầng và liên kết thị trường vẫn là những rào cản quan trọng.

Do đó, phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp xanh cần chuyển trọng tâm từ mở rộng số lượng sang nâng cao chất lượng hoạt động và năng lực thực thi. Chính sách hỗ trợ cần ưu tiên nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận tín dụng xanh, đầu tư hạ tầng, chuyển đổi số, chứng nhận chất lượng, truy xuất nguồn gốc và phát triển liên kết chuỗi giá trị. Khi các điều kiện này được cải thiện, hợp tác xã nông nghiệp có thể trở thành lực lượng trung gian hiệu quả hơn trong quá trình chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam theo hướng xanh, bền vững và thích ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường.

Chú thích:

1, 2, 3, 4, 5, 6. Tác giả tổng hợp số liệu từ Cục Thống kê (2022, 2023, 2024, 2025). *Sách trắng Hợp tác xã Việt Nam các năm 2022, 2023, 2024, 2025*. H. NXB Thống kê.

6. Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ năm 2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã số B2026-TMU-01.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2023). *Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18/7/2023 về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới*.

2. Quốc hội (2023). *Luật Hợp tác xã năm 2023*.

3. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

4. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

5. Bijman, J., Muradian, R., & Schuurman, J. (2016). *Cooperatives, economic democratization, and rural development*. Journal of Entrepreneurial and Organizational Diversity, 5(1), 1–4. <https://doi.org/10.5947/jeod.2016.001>

6. Food and Agriculture Organization of the United Nations. (2021). *The state of food and agriculture 2021: Making agrifood systems more resilient to shocks and stresses*. FAO. <https://doi.org/10.4060/cb4476en>

7. Li, C., Deng, H., Yu, G., Kong, R., & Liu, J. (2024). *Impact effects of cooperative participation on the adoption behavior of green production technologies by cotton farmers and the driving mechanisms*. Agriculture, 14(2), 213. <https://doi.org/10.3390/agriculture14020213>

8. Li, D., Dang, H., & Yu, J. (2022). *Can participation in cooperatives promote the adoption of green production techniques by Chinese apple growers?* Frontiers in Environmental Science, 10, Article 1026273. <https://doi.org/10.3389/fenvs.2022.1026273>

9. OECD (2023). *Policies for the future of farming and food in the European Union*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/32810cf6-en>

10. Pretty, J. (2008). *Agricultural sustainability: Concepts, principles and*

evidence. *Philosophical Transactions of the Royal Society B: Biological Sciences*, 363(1491), 447–465. <https://doi.org/10.1098/rstb.2007.2163>

11. World Bank. (2024). *Recipe for a livable planet: Achieving net zero emissions in the agrifood system*. World Bank. <https://www.worldbank.org/en/topic/agriculture/publication/recipe-for-livable-planet>

12. Zhang, Y., Lu, Q., Yang, C., & Grant, M. K. (2023). *Cooperative membership, service provision, and the adoption of green control techniques: Evidence from China*. *Journal of Cleaner Production*, 384, Article 135462. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2022.135462>